

Số: 01/23/BC-HAGL

Gia Lai, ngày 30 tháng 01 năm 2023

**BÁO CÁO****Tình hình quản trị công ty****(Năm 2022)**

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

- Tên công ty: **Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai**
- Địa chỉ trụ sở chính: 15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Điện thoại: 0269. 222 58 88 Fax: 0269. 222 23 35
- Vốn điều lệ: 9.274.679.470.000 đồng
- Mã chứng khoán: HAG
- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”), Hội đồng quản trị (“**HDQT**”), Ban kiểm soát (“**BKS**”) và Tổng giám đốc (“**TGD**”).
- Về việc thực hiện chức năng của Kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện.

**I. Hoạt động của ĐHĐCĐ:**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ (bao gồm cả các Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

| STT | Số Nghị quyết      | Ngày      | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|--------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 01/22/NQĐHĐCĐ-HAGL | 08/4/2022 | <p>ĐHĐCĐ thường niên 2022 đã thông qua các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Thông qua Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2021;</li><li>- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch phân phối lợi nhuận và trích thù lao năm 2022;</li><li>- Thông qua Báo cáo của HDQT;</li><li>- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán;</li><li>- Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán cho các Báo cáo tài chính năm 2022;</li><li>- Thông qua sửa đổi Điều lệ của Công ty;</li></ul> |

**Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai**

**Trụ sở Chính:** 15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam  
Tel: (+84) 0269 2225 888 Fax: (+84) 0269 2222 335 Email: info@hagl.com.vn

|  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua giao dịch giữa Công ty và người có liên quan;</li> <li>- Thông qua sửa đổi, cập nhật ngành nghề kinh doanh của Công ty;</li> <li>- Thông qua miễn nhiệm thành viên HĐQT;</li> <li>- Thông qua thành viên HĐQT được bầu bổ sung;</li> <li>- Thông qua Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ;</li> <li>- Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT thực hiện các vấn đề đã được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua;</li> <li>- Thông qua Báo cáo năm 2021 của Ban kiểm soát.</li> </ul> |
|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

## II. Hội đồng quản trị (Năm 2022):

### 1. Thông tin về thành viên HĐQT:

| STT | Thành viên HĐQT     | Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, thành viên HĐQT không điều hành) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập |                 |
|-----|---------------------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------|
|     |                     |                                                                    | Ngày bổ nhiệm                                          | Ngày miễn nhiệm |
| 1   | Ông Đoàn Nguyên Đức | Chủ tịch HĐQT - không điều hành                                    | 15/4/2015                                              |                 |
| 2   | Ông Võ Trường Sơn   | Thành viên HĐQT                                                    | 15/4/2015                                              |                 |
| 3   | Bà Võ Thị Mỹ Hạnh   | Thành viên HĐQT                                                    | 30/6/2017                                              |                 |
| 4   | Bà Võ Thị Huyền Lan | Thành viên độc lập HĐQT                                            | 15/4/2015                                              |                 |
| 5   | Bà Nguyễn Thị Huyền | Thành viên độc lập HĐQT                                            | 26/6/2020                                              | 08/4/2022       |
| 6   | Ông Trần Văn Dai    | Thành viên độc lập HĐQT                                            | 08/4/2022                                              |                 |

### 2. Các cuộc họp của HĐQT:

| STT | Thành viên HĐQT     | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự |
|-----|---------------------|---------------------|-------------------|---------------------|
| 1   | Ông Đoàn Nguyên Đức | 26/26               | 100%              |                     |
| 2   | Ông Võ Trường Sơn   | 26/26               | 100%              |                     |
| 3   | Bà Võ Thị Huyền Lan | 26/26               | 100%              |                     |
| 4   | Bà Võ Thị Mỹ Hạnh   | 26/26               | 100%              |                     |

|   |                     |       |      |  |
|---|---------------------|-------|------|--|
| 5 | Bà Nguyễn Thị Huyền | 6/6   | 100% |  |
| 6 | Ông Trần Văn Dai    | 20/20 | 100% |  |

### 3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban TGD:

Căn cứ Điều lệ hiện hành và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, HĐQT đã chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban TGD một số nội dung chủ yếu như sau:

- Triển khai các phương án sản xuất kinh doanh linh hoạt để thích ứng với môi trường kinh doanh cạnh tranh và đang phục hồi sau đại dịch Covid-19;
- Tập trung mọi nguồn lực cho hai ngành nghề kinh doanh cốt lõi là chăn nuôi và trồng trọt;
- Thực hiện các thủ tục liên quan tới việc nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần Gia súc Lơ Pang và đầu tư góp vốn thành lập Công ty cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai;
- Hoàn thành cơ bản việc thoái vốn đầu tư vào Nhóm Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai, giảm mạnh số dư nợ ngân hàng và giảm chi phí lãi vay;
- Triển khai thực hiện việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên 2022;
- Kiểm tra công tác quản lý, điều hành của Ban TGD để được thực hiện theo những thông lệ quản trị tốt nhất nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của cổ đông, khách hàng và người lao động trong Công ty;
- Giám sát, chỉ đạo việc công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch, đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật.

Trên cơ sở đó, HĐQT đánh giá Ban TGD đã bám sát và thực hiện theo đúng chỉ đạo của HĐQT đề ra, đồng thời Ban TGD tuân thủ đầy đủ chức năng và nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty.

### 4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT: Công ty không có các tiểu ban thuộc HĐQT.

### 5. Các Nghị quyết của HĐQT (Năm 2022):

| STT | Số Nghị quyết        | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                          | Tỷ lệ thông qua |
|-----|----------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1.  | 0701/22/NQHĐQT- HAGL | 07/01/2022 | Thông qua việc ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ của Công ty.                                                                                                                                                                                                     | 100%            |
| 2.  | 1101/22/NQHĐQT- HAGL | 11/01/2022 | Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2021; Thông qua định hướng các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2022; Và thông qua chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022 để trình và xin ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2022. | 100%            |
| 3.  | 01/22/NQHĐQT- HAGL   | 21/01/2022 | Thông qua việc bổ nhiệm bổ sung bà Hồ Thị Mỹ Loan giữ chức vụ Thư ký Công ty kể từ ngày 21/01/2022.                                                                                                                                                               | 100%            |

| STT | Số Nghị quyết       | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                           | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 4.  | 02/22/NQHĐQT- HAGL  | 23/02/2022 | Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2022.                                                                                                                                 | 100%            |
| 5.  | 03/22/NQHĐQT- HAGL  | 14/3/2022  | Thông qua việc bảo lãnh cho Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai vay vốn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.                                                                                                                                   | 100%            |
| 6.  | 04/22/NQHĐQT- HAGL  | 29/3/2022  | Thông qua việc nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần Gia súc Lơ Pang.                                                                                                                                                                         | 100%            |
| 7.  | 0904/22/NQHĐQT-HAGL | 09/4/2022  | Thông qua chủ trương về việc Công ty ký kết, thực hiện hợp đồng/giao dịch với người có liên quan trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022 số 01/22/NQĐHĐCĐ-HAGL ngày 08/4/2022.                                                                | 100%            |
| 8.  | 05/22/NQ.HĐQT/HAGL  | 14/4/2022  | Thông qua việc triển khai chi tiết Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022 ngày 08/4/2022.                                                                                                               | 100%            |
| 9.  | 06/22/NQ.HĐQT/HAGL  | 14/4/2022  | Thông qua nội dung đảm bảo việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài.                                                                                                                                                       | 100%            |
| 10. | 07/22/NQHĐQT- HAGL  | 22/4/2022  | Thông qua việc điều chỉnh danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp dự kiến được chào bán.                                                                                                                                                    | 100%            |
| 11. | 08/22/NQHĐQT- HAGL  | 25/4/2022  | Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán để thực hiện kiểm toán/soát xét các Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty và thông qua mức thù lao của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Ban thư ký năm 2022. | 100%            |

| STT | Số Nghị quyết          | Ngày      | Nội dung                                                                                                                                                                                                           | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 12. | 0505/22/NQ-HĐQT        | 05/5/2022 | Thông qua chủ trương kế hoạch hỗ trợ tài chính cho Công ty cổ phần Chăn nuôi Gia Lai trong năm 2022.                                                                                                               | 100%            |
| 13. | 09/22/NQHĐQT- HAGL     | 25/5/2022 | Thông qua việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai                                                                                                                                            | 100%            |
| 14. | 1006_1/22/NQ.HĐQT/HAGL | 10/6/2022 | Thông qua điều chỉnh, bổ sung Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2022.                                                                                                                                   | 100%            |
| 15. | 1006_2/22/NQ.HĐQT/HAGL | 10/6/2022 | Thông qua triển khai phương án tăng vốn điều lệ, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài và một số vấn đề liên quan. | 100%            |
| 16. | 11/22/NQHĐQT- HAGL     | 18/7/2022 | Thông qua bổ sung Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2022.                                                                                                                                               | 100%            |
| 17. | 12/22/NQHĐQT- HAGL     | 22/7/2022 | Thông qua bảo lãnh cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Gia Lai.                                                                  | 100%            |
| 18. | 13/22/NQHĐQT- HAGL     | 24/8/2022 | Thông qua nội dung và chấp thuận việc ký kết Thỏa thuận cam kết giữa Công ty với Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.                            | 100%            |
| 19. | 14/22/NQHĐQT- HAGL     | 05/9/2022 | Thông qua điều chỉnh nội dung bảo lãnh toàn bộ nghĩa vụ nợ của Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.                                                                        | 100%            |
| 20. | 15/22/NQHĐQT- HAGL     | 22/9/2022 | Thông qua việc tạm dừng hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ                                                                                                                                                   | 100%            |

| STT | Số Nghị quyết      | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Tỷ lệ thông qua |
|-----|--------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     |                    |            | của Công ty đã nộp Ủy ban chứng khoán Nhà nước.                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                 |
| 21. | 16/22/NQHĐQT- HAGL | 22/9/2022  | Thông qua trả một phần nợ gốc trái phiếu do Công ty phát hành ngày 30/12/2016.                                                                                                                                                                                                                                                             | 100%            |
| 22. | 17/22/NQ.HĐQT/HAGL | 26/9/2022  | Thông qua tiếp tục triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ, điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp dự kiến được chào bán, phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài và một số vấn đề liên quan. | 100%            |
| 23. | 18/22/NQ.HĐQT/HAGL | 26/9/2022  | Thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2022.                                                                                                                                                                                                                                                                               | 100%            |
| 24. | 19/22/NQ.HĐQT/HAGL | 14/10/2022 | Thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2022.                                                                                                                                                                                                                                                                               | 100%            |
| 25. | 20/22/NQHĐQT- HAGL | 14/10/2022 | Thông qua bảo lãnh khoản vay của các cá nhân tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong.                                                                                                                                                                                                                                                                | 100%            |
| 26. | 21/22/NQHĐQT- HAGL | 15/10/2022 | Thông qua bảo lãnh cho toàn bộ nghĩa vụ tín dụng của Công ty cổ phần Gia súc Lơ Pang tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong.                                                                                                                                                                                                                        | 100%            |

### III. Ban kiểm soát (Năm 2022):

#### 1. Thông tin về thành viên BKS:

| STT | Thành viên BKS        | Chức vụ        | Ngày bắt đầu là thành viên BKS | Trình độ chuyên môn                                     |
|-----|-----------------------|----------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------|
| 1   | Bà Đỗ Trần Thùy Trang | Trưởng BKS     | 23/6/2018                      | Cử nhân kinh tế, Cử nhân luật, Chứng chỉ kiểm toán viên |
| 2   | Ông Lê Hồng Phong     | Thành viên BKS | 26/6/2020                      | Cử nhân kinh tế,                                        |

|   |                    |                |           |                          |
|---|--------------------|----------------|-----------|--------------------------|
|   |                    |                |           | Chứng chỉ kế toán trưởng |
| 3 | Ông Phạm Ngọc Châu | Thành viên BKS | 26/6/2020 | Cử nhân kinh tế          |

**2. Cuộc họp của BKS:**

| STT | Thành viên BKS        | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự |
|-----|-----------------------|---------------------|-------------------|------------------|---------------------|
| 1   | Bà Đỗ Trần Thùy Trang | 4/4                 | 100%              | 100%             |                     |
| 2   | Ông Lê Hồng Phong     | 4/4                 | 100%              | 100%             |                     |
| 3   | Ông Phạm Ngọc Châu    | 4/4                 | 100%              | 100%             |                     |

**3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban TGD và cổ đông**

BKS thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của BKS.

**4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD và các bộ phận quản lý khác:**

Trong quá trình giám sát hoạt động của Công ty, BKS đã được HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý cung cấp kịp thời các thông tin theo yêu cầu, tạo mọi điều kiện để BKS hoàn thành nhiệm vụ.

**5. Hoạt động khác của BKS: Không có**

**IV. Ban điều hành**

| STT | Thành viên Ban điều hành | Chức vụ           | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn                                                         | Ngày bổ nhiệm thành viên Ban điều hành |
|-----|--------------------------|-------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | Ông Võ Trường Sơn        | Tổng giám đốc     | 13/11/1973          | Thạc sĩ tài chính, Cử nhân Luật, Thành viên Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh | 31/3/2015                              |
| 2   | Bà Hồ Thị Kim Chi        | Phó Tổng giám đốc | 05/01/1976          | Thạc sĩ Tài chính                                                           | 01/10/2014                             |
| 3   | Bà Võ Thị Mỹ Hạnh        | Phó Tổng giám đốc | 10/6/1977           | Cử nhân Luật, cử nhân Quản trị kinh doanh                                   | 21/01/2021                             |

## V. Kế toán trưởng

| Họ và tên           | Ngày, tháng, năm sinh | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ               | Ngày bổ nhiệm |
|---------------------|-----------------------|---------------------------------------------|---------------|
| Bà Lê Trương Y Trâm | 06/7/1990             | Thạc sĩ tài chính, chứng chỉ Kế toán trưởng | 15/7/2018     |

## VI. Đào tạo về quản trị công ty

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban TGDĐ điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty đã tham gia theo quy định về quản trị Công ty:

Đa số thành viên HĐQT, Ban TGDĐ, BKS và Thư ký Công ty đã tham gia khóa học và được cấp chứng chỉ hoàn thành chương trình đào tạo về Quản trị công ty do Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

## VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo năm 2022) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty

- Danh sách người có liên quan của công ty:** *Phụ lục đính kèm.*
- Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:** Trong năm 2022, Công ty đã phát sinh các giao dịch với bên có liên quan như sau:

| S<br>T<br>T | Tên tổ chức/cá nhân               | Mối quan hệ liên quan với Công ty                         | Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH                                  | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                      | Thời điểm giao dịch | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có)                                   | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch  | Ghi chú                                         |
|-------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| 1           | Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai | Công ty con và tổ chức có liên quan của bà Hồ Thị Kim Chi | 5900988952, ngày cấp: 03/06/2014, nơi cấp: Sở KH và ĐT tỉnh Gia Lai | 15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai | 28/3/2022           | Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/22/NQĐHĐCĐ-HAGL và Nghị quyết HĐQT số 0904/22/NQHĐQT - HAGL | - Cho vay<br>+ Giá trị: 20.000.000 ngàn VND |                                                 |
| 2           | Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang   | Công ty con từ ngày 31/3/2022                             | 5901147416, ngày cấp: 19/06/2020, nơi cấp: Sở KH và ĐT tỉnh Gia Lai |                                                            | 27/01/2022          |                                                                                                | - Cho vay<br>+ Giá trị: 20.300.000 ngàn VND | Tại thời điểm cấp khoản vay chưa là công ty con |

|   |                                     |                                                           |                                                                     |  |            |                                                                                                |                                                                 |  |
|---|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|--|
|   |                                     |                                                           |                                                                     |  | 15/10/2022 | Nghị quyết HĐQT số 21/22/NQHĐQT-HAGL ngày 15/10/2022                                           | <b>Bảo lãnh khoản vay:</b><br>- Giá trị: 300.000.000 ngàn VND   |  |
| 3 | Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai | Công ty con và tổ chức có liên quan của bà Võ Thị Mỹ Hạnh | 5901046432, ngày cấp: 12/10/2016, nơi cấp: Sở KH và ĐT tỉnh Gia Lai |  | 16/2/2022  | Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/22/NQĐHĐCĐ-HAGL và Nghị quyết HĐQT số 0904/22/NQHĐQT - HAGL | <b>- Cho vay:</b><br>+ Giá trị: 859.450.770 ngàn VND            |  |
|   |                                     |                                                           |                                                                     |  | 14/3/2022  | Nghị quyết HĐQT số 03/22/NQHĐQT-HAGL ngày                                                      | <b>- Bảo lãnh khoản vay:</b><br>+ Giá trị: 400.000.000 ngàn VND |  |
|   |                                     |                                                           |                                                                     |  | 22/7/2022  | Nghị quyết HĐQT số 12/22/NQHĐQT-HAGL                                                           | <b>- Bảo lãnh khoản vay:</b><br>+ Giá trị: 500.000.000 ngàn VND |  |

3. **Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát:** *Không có.*

4. **Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:**

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, TGD điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo):

- Nghị quyết HĐQT số 13/22/NQHĐQT-HAGL ngày 24/8/2022 thông qua việc ký kết Thỏa thuận cam kết giữa Công ty với Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD điều hành là thành viên HĐQT, TGD điều hành: *Không có.*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và người quản lý khác: *Không có.*

VIII. **Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm 2022)**

1. **Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:** *Phụ lục đính kèm.*

2. **Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết:**

| STT | Người thực hiện giao dịch                                      | Chức vụ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |       | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi,...) |
|-----|----------------------------------------------------------------|---------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|---------------------------------------------|
|     |                                                                |         | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ |                                             |
| 1   | Nguyễn Thị Thom – Người liên quan người nội bộ Đoàn Nguyên Đức |         | 150.375                   | 0,02% | 120.375                    | 0,01% | Bán                                         |
| 2   | Đoàn Hoàng Anh – Người liên quan người nội bộ Đoàn Nguyên Đức  |         | 8.000.000                 | 0,86% | 10.000.000                 | 1,08% | Mua                                         |

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác:** *Không có*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, Ban thư ký.

**CHỦ TỊCH HĐQT**



**ĐOÀN NGUYỄN ĐỨC**

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

PHỤ LỤC

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY

Đính kèm Báo cáo tình hình quan trị Công ty năm 2022 số 01/23 BC-HAGL ngày 30 tháng 01 năm 2023

| Stt  | Mã CK | Họ và tên                                                  | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CMND/Passport/Giấy GCNDKDN) | Số Giấy NSH | Ngày cấp   | Nơi cấp                                           | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                     | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khí phát sinh thay đổi liên quan đến mục 12 và 13) | Ghi chú           |
|------|-------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------|-------------|------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-------------------|
| 1    | 2     | 3                                                          | 4                                        | 5                            | 6                                | 7                                               | 8           | 9          | 10                                                | 11                                                        | 12                         | 13                            | 14                                                                | 15                                                                  | 16                                                        | 17                |
| A    |       | Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ        |                                          |                              |                                  |                                                 |             |            |                                                   |                                                           |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |                   |
| 1    | HAG   | Đoàn Nguyên Đức                                            |                                          | Chủ tịch HĐQT                |                                  |                                                 |             |            | Cục cảnh sát Quản lý HC về TTXH                   |                                                           | 319.950.533                | 34,50%                        | 15/04/2015                                                        |                                                                     |                                                           |                   |
| 1.1  |       | Đoàn Tiến Quyết                                            |                                          |                              | Cha                              |                                                 |             |            | CA Gia Lai                                        |                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |                   |
| 1.2  |       | Nguyễn Thị Thơm                                            |                                          |                              | Mẹ                               |                                                 |             |            | CA Gia Lai                                        |                                                           | 120.375                    | 0,01%                         |                                                                   |                                                                     |                                                           |                   |
| 1.3  |       | Hoàng Trọng Biên                                           |                                          |                              | Cha vợ                           |                                                 |             |            |                                                   |                                                           |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |                   |
| 1.4  |       | Lê Thị Ngọc An                                             |                                          |                              | Mẹ vợ                            |                                                 |             |            | CA Gia Lai                                        |                                                           | 5                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           | đã mất            |
| 1.5  |       | Hoàng Thị Ngọc Bích                                        |                                          |                              | Vợ                               |                                                 |             |            | Cục cảnh sát Quản lý HC về TTXH                   |                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |                   |
| 1.6  |       | Đoàn Hoàng Anh                                             |                                          |                              | Con                              |                                                 |             |            | CA Gia Lai                                        |                                                           | 10.000.000                 | 1,08%                         |                                                                   |                                                                     |                                                           |                   |
| 1.7  |       | Đoàn Hoàng Nam                                             |                                          |                              | Con                              |                                                 |             |            | CA Gia Lai                                        |                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |                   |
| 1.8  |       | Đoàn Hoàng Nam Anh                                         |                                          |                              | Con                              |                                                 |             |            |                                                   |                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           | Còn nhỏ           |
| 1.9  |       | Đoàn Nguyên Lộc                                            |                                          |                              | Anh                              |                                                 |             |            | CA Gia Lai                                        |                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |                   |
| 1.10 |       | Nguyễn Thị Lành                                            |                                          |                              | Chị dâu                          |                                                 |             |            | CA Gia Lai                                        |                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |                   |
| 1.11 |       | Đoàn Thị Nguyễn Dung                                       |                                          |                              | Em                               |                                                 |             |            | CA Gia Lai                                        |                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |                   |
| 1.12 |       | Trần Hữu Phước                                             |                                          |                              | Em rể                            |                                                 |             |            | CA Gia Lai                                        |                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |                   |
| 1.13 |       | Đoàn Nguyễn Ngồn                                           |                                          |                              | Em                               |                                                 |             |            | CA TPHCM                                          |                                                           | 20.598                     | 0,00%                         |                                                                   |                                                                     |                                                           |                   |
| 1.14 |       | Đào Thị Phương Mai                                         |                                          |                              | Em dâu                           |                                                 |             |            | Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội |                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |                   |
| 1.15 |       | Đoàn Thị Nguyễn Vinh                                       |                                          |                              | Em                               |                                                 |             |            | CA Bình Định                                      |                                                           | 14.712                     | 0,00%                         |                                                                   |                                                                     |                                                           |                   |
| 1.16 |       | Lê Văn Kế                                                  |                                          |                              | Em rể                            |                                                 |             |            | CA Bình Định                                      |                                                           | 70.620                     | 0,01%                         |                                                                   |                                                                     |                                                           |                   |
| 1.17 |       | Đoàn Nguyên Thịnh                                          |                                          |                              | Em                               |                                                 |             |            | CA Gia Lai                                        |                                                           | 488.934                    | 0,05%                         |                                                                   |                                                                     |                                                           |                   |
| 1.18 |       | Lê Thị Diễm                                                |                                          |                              | Em dâu                           |                                                 |             |            | CA Gia Lai                                        |                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |                   |
| 1.19 |       | Đoàn Thị Nguyễn Xuân                                       |                                          |                              | Em                               |                                                 |             |            | CA TPHCM                                          |                                                           | 153.593                    | 0,02%                         |                                                                   |                                                                     |                                                           |                   |
| 1.20 |       | Thần Quang Vinh                                            |                                          |                              | Em rể                            |                                                 |             |            | Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư        |                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |                   |
| 1.21 |       | Đoàn Nguyên Thu                                            |                                          |                              | Em                               |                                                 |             |            | CA Gia Lai                                        |                                                           | 6                          | 0,00%                         |                                                                   |                                                                     |                                                           |                   |
| 1.22 |       | Nguyễn Thị Huỳnh Lê                                        |                                          |                              | Em dâu                           |                                                 |             |            | CA TPHCM                                          |                                                           | 7.640                      | 0,00%                         |                                                                   |                                                                     |                                                           |                   |
| 1.23 |       | Đoàn Thị Nguyễn Thao                                       |                                          |                              | Em ruột                          |                                                 |             |            | CA Gia Lai                                        |                                                           | 167.202                    | 0,02%                         |                                                                   |                                                                     |                                                           |                   |
| 1.24 |       | Nguyễn Cao Hoàng                                           |                                          |                              | Em rể                            |                                                 |             |            | CA Tp Hồ Chí Minh                                 |                                                           | 82                         | 0,00%                         |                                                                   |                                                                     |                                                           |                   |
| 1.25 |       | Đoàn Thị Nguyễn Nguyễn                                     |                                          |                              | Em                               |                                                 |             |            | CA Gia Lai                                        |                                                           | 146.884                    | 0,02%                         |                                                                   |                                                                     |                                                           |                   |
| 1.26 |       | Nguyễn Minh Trung                                          |                                          |                              | Em rể                            |                                                 |             |            | CA Gia Lai                                        |                                                           | 14.260                     | 0,00%                         |                                                                   |                                                                     |                                                           |                   |
| 1.27 |       | Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai      |                                          |                              | Tổ chức có liên quan             | GCNDKDN                                         | 5900712753  | 26/05/2010 | Sơ KH và ĐT tỉnh Gia Lai                          | 15 Trương Chinh, Phường Phú Đông, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai |                            | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           | Phó chủ tịch HĐQT |
| 1.28 |       | Công ty cổ phần Bệnh viện Đại học Y Dược Hoàng Anh Gia Lai |                                          |                              | Tổ chức có liên quan             | GCNDKDN                                         | 5900461059  | 07/05/2008 | Sơ KH và ĐT tỉnh Gia Lai                          | 238 Lê Duẩn, P Trà Bả, Pleiku, Gia Lai                    |                            | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           | Chủ tịch HĐQT     |

M.S.D.N

| Sтт  | Mã CK | Họ và tên                                  | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có)        | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CMND/Passport/Giấy GCNDKDN) | Số Giấy NSH | Ngày cấp   | Nơi cấp                            | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                                      | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 12 và 13) | Ghi chú       |
|------|-------|--------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------|-------------|------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------------|
| 1.29 |       | Công ty cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai     |                                          |                                     | Tổ chức có liên quan             | GCNDKDN                                         | 5901190436  | 26/05/2022 | Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai | 15 Trường Chinh, Phường Phú Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam |                            |                               | 26/05/2022                                                        |                                                                     |                                                           | Chủ tịch HĐQT |
| 2    | HAG   | Võ Trường Sơn                              |                                          | Thành viên HĐQT, kiêm Tổng giám đốc |                                  | CCCD                                            |             |            |                                    |                                                                            | 104                        | 0,00%                         | 31/03/2015                                                        |                                                                     |                                                           |               |
| 2.1  |       | Võ Ngọc Dư                                 |                                          |                                     | Cha                              | CMND                                            |             |            |                                    |                                                                            | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 2.2  |       | Trần Thị Thắm                              |                                          |                                     | Mẹ                               | CMND                                            |             |            |                                    |                                                                            | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 2.3  |       | Lâm Hoàng Nam                              |                                          |                                     | Cha vợ                           |                                                 |             |            |                                    |                                                                            | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           | đã mất        |
| 2.4  |       | Đoàn Thị Diệp                              |                                          |                                     | Mẹ Vợ                            | CMND                                            |             |            |                                    |                                                                            | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 2.5  |       | Lâm Hoàng Yến                              |                                          |                                     | Vợ                               | CMND                                            |             |            |                                    |                                                                            | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 2.6  |       | Võ Hoàng Long                              |                                          |                                     | Con                              | CCCD                                            |             |            |                                    |                                                                            | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 2.7  |       | Võ Hoàng Yến Nhi                           |                                          |                                     | Con                              | CCCD                                            |             |            |                                    |                                                                            | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 2.8  |       | Võ Thanh Lộc                               |                                          |                                     | Em                               | CMND                                            |             |            |                                    |                                                                            | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 2.9  |       | Lê Thanh Thủy                              |                                          |                                     | Em dâu                           | CMND                                            |             |            |                                    |                                                                            | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 2.10 |       | Võ Thị Kim Phương                          |                                          |                                     | Em                               | CMND                                            |             |            |                                    |                                                                            |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 2.11 |       | Phạm Văn Kẽm                               |                                          |                                     | Em rể                            | CMND                                            |             |            |                                    |                                                                            |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 2.12 |       | Võ Thị Thắm Thủy Hằng                      |                                          |                                     | Em                               | CMND                                            |             |            |                                    |                                                                            |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 2.13 |       | Nguyễn Văn Hạnh                            |                                          |                                     | Em rể                            | CMND                                            |             |            |                                    |                                                                            |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 2.14 |       | Võ Thị Bé Sáu                              |                                          |                                     | Em                               | CMND                                            |             |            |                                    |                                                                            |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 2.15 |       | Lê Nguyễn Ngọc Sơn                         |                                          |                                     | Em rể                            | CMND                                            |             |            |                                    |                                                                            |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 2.16 |       | Võ Thanh Tùng                              |                                          |                                     | Em                               | CMND                                            |             |            |                                    |                                                                            |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 2.17 |       | Lê Thị Ngọc Hòa                            |                                          |                                     | Em dâu                           | CMND                                            |             |            |                                    |                                                                            | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 2.18 |       | Công ty cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai |                                          |                                     | Tổ chức có liên quan             | GCNDKDN                                         | 5900493773  | 30/12/2008 | Sở KH và ĐT tỉnh Gia Lai           | 15 Trường Chinh, Phường Phú Đồng, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai                  |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           | Chủ tịch HĐQT |
| 3    | HAG   | Võ Thị Huyền Lan                           |                                          | Thành viên HĐQT                     |                                  | CMND                                            |             |            |                                    |                                                                            | -                          | -                             | 07/02/2008                                                        |                                                                     |                                                           |               |
| 3.1  |       | Võ Văn Giai                                |                                          |                                     | Cha                              | CMND                                            |             |            |                                    |                                                                            | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 3.2  |       | Phạm Thị Tò                                |                                          |                                     | Mẹ                               | CMND                                            |             |            |                                    |                                                                            | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 3.3  |       | Ngô Bình Long                              |                                          |                                     | Chồng                            | CMND                                            |             |            |                                    |                                                                            | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 3.4  |       | Ngô Quý Hà Giang                           |                                          |                                     | Con                              |                                                 |             |            |                                    |                                                                            | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           | Còn nhỏ       |
| 3.5  |       | Ngô Hoàng Khánh Dương                      |                                          |                                     | Con                              |                                                 |             |            |                                    |                                                                            | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           | Còn nhỏ       |
| 3.6  |       | Võ Thị Kiều Phương                         |                                          |                                     | Chị ruột                         | CMND                                            |             |            |                                    |                                                                            | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |

| Stt  | Mã CK | Họ và tên                                            | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có)           | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CMND/Passport/Giấy GCNDKDN) | Số Giấy NSH | Ngày cấp   | Nơi cấp                           | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                     | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 12 và 13) | Ghi chú         |
|------|-------|------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------|-------------|------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------|
| 3.7  |       | Bùi Văn Ba                                           |                                          |                                        | Anh rể                           | CCCD                                            |             |            |                                   |                                                           |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |                 |
| 3.8  |       | Võ Thị Huyền Linh                                    |                                          |                                        | Chị ruột                         | CMND                                            |             |            |                                   |                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |                 |
| 3.9  |       | Võ Thị Huyền Châu                                    |                                          |                                        | Em ruột                          | CMND                                            |             |            |                                   |                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |                 |
| 3.10 |       | Võ Thị Huyền Trân                                    |                                          |                                        | Em ruột                          | CMND                                            |             |            |                                   |                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |                 |
| 3.11 |       | Đinh Văn Truyền                                      |                                          |                                        | Em rể                            | CMND                                            |             |            |                                   |                                                           |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |                 |
| 3.12 |       | Công ty Cổ phần Bourbon Bến Lức                      |                                          |                                        | Tổ chức liên quan                | GCNDKDN                                         | 0305046979  | 08/01/2015 | Sơ KH và ĐT TP. Hồ Chí Minh       | Ấp 1, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh         | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           | Thành viên HĐQT |
| 3.13 |       | Công ty Cổ phần thực phẩm Nông sản xuất khẩu Sài Gòn |                                          |                                        | Tổ chức liên quan                | GCNDKDN                                         | 0301042973  | 27/08/2009 | Sơ KH và ĐT TP. Hồ Chí Minh       | 58 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh          | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           | Thành viên HĐQT |
| 4    | HAG   | Võ Thị Mỹ Hạnh                                       |                                          | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc |                                  | CCCD                                            |             |            |                                   |                                                           | 300.000                    | 0,03%                         | 30/06/2017                                                        |                                                                     |                                                           |                 |
| 4.1  |       | Võ Văn Dũng                                          |                                          |                                        | Cha                              | CMND                                            |             |            |                                   |                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |                 |
| 4.2  |       | Huỳnh Thị Hồng                                       |                                          |                                        | Mẹ                               | CMND                                            |             |            |                                   |                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |                 |
| 4.3  |       | Lê Đình Quốc                                         |                                          |                                        | Cha chồng                        | CMND                                            |             |            |                                   |                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |                 |
| 4.4  |       | Lê Thị Thu                                           |                                          |                                        | Mẹ chồng                         | CMND                                            |             |            |                                   |                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |                 |
| 4.5  |       | Lê Đại Quang                                         |                                          |                                        | Chồng                            | CCCD                                            |             |            |                                   |                                                           |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |                 |
| 4.6  |       | Lê Đại Minh Long                                     |                                          |                                        | Con                              |                                                 |             |            |                                   |                                                           |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           | còn nhỏ         |
| 4.7  |       | Lê Đại Hoàng Long                                    |                                          |                                        | Con                              |                                                 |             |            |                                   |                                                           |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           | còn nhỏ         |
| 4.8  |       | Võ Đình Phúc                                         |                                          |                                        | Em                               | CMND                                            |             |            |                                   |                                                           |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |                 |
| 4.9  |       | Phùng Thị Nguyễn Trang                               |                                          |                                        | Em dâu                           | CMND                                            |             |            |                                   |                                                           |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |                 |
| 4.10 |       | Võ Thị Kim Thủy                                      |                                          |                                        | Em                               | CCCD                                            |             |            |                                   |                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |                 |
| 4.11 |       | Lê Hoài Lâm                                          |                                          |                                        | Em rể                            | CMND                                            |             |            |                                   |                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |                 |
| 4.12 |       | Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai                  |                                          |                                        | Tổ chức liên quan                | GCNDKDN                                         | 5901046432  | 12/10/2016 | Sơ Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Gia Lai | 15 Trường Chinh, Phường Phú Đông, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai | -                          | -                             | 25/01/2021                                                        |                                                                     |                                                           | Giám đốc        |
| 5    | HAG   | Nguyễn Thị Huyền                                     |                                          | Thành viên HĐQT                        |                                  | CMND                                            |             |            |                                   |                                                           | 63.140                     | 0                             | 18/04/2014                                                        | 08/04/2022                                                          | Từ nhiệm                                                  |                 |
| 5.1  |       | Nguyễn Nhân                                          |                                          |                                        | Cha                              |                                                 |             |            |                                   |                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |                 |
| 5.2  |       | Nguyễn Thị Hát                                       |                                          |                                        | Mẹ                               | CMND                                            |             |            |                                   |                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |                 |
| 5.3  |       | Nguyễn Thị Hà                                        |                                          |                                        | Chị                              | CMND                                            |             |            |                                   |                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |                 |
| 5.4  |       | Lê Hải Sâm                                           |                                          |                                        | Anh rể                           | CMND                                            |             |            |                                   |                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |                 |
| 5.5  |       | Nguyễn Thị Thủy                                      |                                          |                                        | Chị                              | CMND                                            |             |            |                                   |                                                           |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |                 |
| 5.6  |       | Lâm Vinh                                             |                                          |                                        | Anh rể                           | CMND                                            |             |            |                                   |                                                           |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |                 |
| 5.7  |       | Nguyễn Thị Uyên                                      |                                          |                                        | Chị                              | CMND                                            |             |            |                                   |                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |                 |
| 5.8  |       | Nguyễn Uy                                            |                                          |                                        | Anh                              | CMND                                            |             |            |                                   |                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |                 |

| Stt  | Mã CK | Họ và tên                      | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CMND/Passport/Giấy GCNĐKDN) | Số Giấy NSH | Ngày cấp   | Nơi cấp                | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                                                                     | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 12 và 13) | Ghi chú  |
|------|-------|--------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------|-------------|------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------|
| 6    | HAG   | Trần Văn Dai                   |                                          | Thành viên HĐQT              |                                  | CCCD                                            |             |            |                        |                                                                                                           |                            |                               | 08/04/2022                                                        |                                                                     |                                                           |          |
| 6.1  |       | Nguyễn Thị Lâm                 |                                          |                              | Vợ                               | CCCD                                            |             |            |                        |                                                                                                           | 169.000                    | 0,02%                         |                                                                   |                                                                     |                                                           |          |
| 6.2  |       | Trần Nguyễn Ngọc Minh          |                                          |                              | Con                              | CCCD                                            |             |            |                        |                                                                                                           |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |          |
| 6.3  |       | Trần Nguyễn Bao Châu           |                                          |                              | Con                              | CCCD                                            |             |            |                        |                                                                                                           |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |          |
| 6.4  |       | Trần Gia Vinh                  |                                          |                              | Con                              |                                                 |             |            |                        |                                                                                                           |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           | còn nhỏ  |
| 6.5  |       | Nguyễn Khắc Sơn                |                                          |                              | Bố vợ                            | CCCD                                            |             |            |                        |                                                                                                           |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |          |
| 6.6  |       | Đinh Thị Thuật                 |                                          |                              | Mẹ vợ                            | CCCD                                            |             |            |                        |                                                                                                           |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |          |
| 6.7  |       | Nguyễn Việt Anh                |                                          |                              | Em vợ                            | CCCD                                            |             |            |                        |                                                                                                           |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |          |
| 6.8  |       | Nguyễn Vũ Hải Yến              |                                          |                              | Em dâu                           | CCCD                                            |             |            |                        |                                                                                                           |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |          |
| 6.9  |       | Trần Thị Gái                   |                                          |                              | Em gái                           | CCCD                                            |             |            |                        |                                                                                                           |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |          |
| 6.10 |       | Phan Tấn Hoàng                 |                                          |                              | Em rể                            | CMND                                            |             |            |                        |                                                                                                           |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |          |
| 6.11 |       | Trần Văn Ân                    |                                          |                              | Anh trai                         | CCCD                                            |             |            |                        |                                                                                                           |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |          |
| 6.12 |       | Trương Thị Tuyết               |                                          |                              | Chị dâu                          | CCCD                                            |             |            |                        |                                                                                                           |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |          |
| 6.13 |       | Trần Văn Nghị                  |                                          |                              | Anh trai                         | CCCD                                            |             |            |                        |                                                                                                           |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |          |
| 6.14 |       | Lê Thị Lợi                     |                                          |                              | Chị dâu                          | CCCD                                            |             |            |                        |                                                                                                           |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |          |
| 6.15 |       | Công ty CP XNK Dược Thú Y NASA |                                          |                              | Tổ chức có liên quan             | GCNĐKDN                                         | 0101910220  | 10/04/2006 | Sở KH và ĐT Tp. Hà Nội | Số 7, ngõ 281/5, đường Nguyễn Tam Trinh, Phường Hoàng Văn Thu, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           | Giám đốc |
| 7    | HAG   | Hồ Thị Kim Chi                 |                                          | Phó Tổng giám đốc            |                                  | CMND                                            |             |            |                        |                                                                                                           | 395.159                    | 0,04%                         | 01/10/2014                                                        |                                                                     |                                                           |          |
| 7.1  |       | Hồ Đức Tâm                     |                                          |                              | Cha                              |                                                 |             |            |                        |                                                                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           | đã mất   |
| 7.2  |       | Phạm Thị Hải                   |                                          |                              | Mẹ                               |                                                 |             |            |                        |                                                                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           | đã mất   |
| 7.3  |       | Võ Hồ Lâm                      |                                          |                              | Cha chồng                        | CMND                                            |             |            |                        |                                                                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |          |
| 7.4  |       | Võ Thị Thu Sương               |                                          |                              | Mẹ Chồng                         | CMND                                            |             |            |                        |                                                                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |          |
| 7.5  |       | Võ Hồng Nhân                   |                                          |                              | Chồng                            | CMND                                            |             |            |                        |                                                                                                           | 69.072                     | 0,01%                         |                                                                   |                                                                     |                                                           |          |
| 7.6  |       | Võ Vĩnh Khang                  |                                          |                              | Con                              | CMND                                            |             |            |                        |                                                                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |          |
| 7.7  |       | Võ Hồ Khánh Linh               |                                          |                              | Con                              |                                                 |             |            |                        |                                                                                                           | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           | còn nhỏ  |
| 7.8  |       | Hồ Đức Quang                   |                                          |                              | Anh                              | CMND                                            |             |            |                        |                                                                                                           | 1                          | 0                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |          |
| 7.9  |       | Nguyễn Thị Yến                 |                                          |                              | Chị dâu                          | CMND                                            |             |            |                        |                                                                                                           |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |          |
| 7.10 |       | Hồ Thị Liễu                    |                                          |                              | Chị                              | CMND                                            |             |            |                        |                                                                                                           |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |          |
| 7.11 |       | Võ Văn Hội                     |                                          |                              | Anh rể                           | CMND                                            |             |            |                        |                                                                                                           |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |          |

| Stt  | Mã CK | Họ và tên                         | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CMND/Passport/Giấy GCNĐKDN) | Số Giấy NSH | Ngày cấp   | Nơi cấp                            | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ           | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khí phát sinh thay đổi liên quan đến mục 12 và 13) | Ghi chú       |
|------|-------|-----------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------|-------------|------------|------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------------|
| 7.12 |       | Hồ Thị Phước                      |                                          |                              | Chị                              | CMND                                            |             |            |                                    |                                                 |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 7.13 |       | Phạm Bảo Quốc                     |                                          |                              | Anh rể                           | CMND                                            |             |            |                                    |                                                 |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 7.14 |       | Hồ Thị Tâm Hiền                   |                                          |                              | Chị                              | CMND                                            |             |            |                                    |                                                 | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 7.15 |       | Công ty cổ phần Chân nuôi Gia Lai |                                          |                              | Tổ chức có liên quan             | GCNĐKDN                                         | 5900988952  | 03/06/2014 | Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai | 15 Trường Chinh, P Phù Đồng, TP Pleiku, Gia Lai |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           | Chủ tịch HĐQT |
| 7.16 |       | Công ty cổ phần Gia súc Lơ Pang   |                                          |                              | Tổ chức có liên quan             | GCNĐKDN                                         | 5901147416  | 19/06/2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai | 15 Trường Chinh, P Phù Đồng, TP Pleiku, Gia Lai |                            |                               | 01/04/2022                                                        |                                                                     |                                                           | Chủ tịch HĐQT |
| 8    | HAG   | Đỗ Trần Thùy Trang                |                                          | Trưởng BKS                   |                                  | CCCD                                            |             |            |                                    |                                                 | -                          | -                             | 23/06/2018                                                        |                                                                     |                                                           |               |
| 8.1  |       | Đỗ Văn Diệp                       |                                          |                              | Cha                              | CMND                                            |             |            |                                    |                                                 | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 8.2  |       | Trần Thị Kim Dân                  |                                          |                              | Mẹ                               | CMND                                            |             |            |                                    |                                                 | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 8.3  |       | Đinh Đức                          |                                          |                              | Cha chồng                        |                                                 |             |            |                                    |                                                 |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           | đã mất        |
| 8.4  |       | Đào Thị Yên                       |                                          |                              | Mẹ chồng                         |                                                 |             |            |                                    |                                                 |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           | đã mất        |
| 8.5  |       | Đinh Công Tịnh                    |                                          |                              | Chồng                            | CCCD                                            |             |            |                                    |                                                 |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 8.6  |       | Đinh Đăng Khoa                    |                                          |                              | Con                              | CCCD                                            |             |            |                                    |                                                 | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 8.7  |       | Đinh Đăng Khôi                    |                                          |                              | Con                              | CCCD                                            |             |            |                                    |                                                 | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 8.8  |       | Đỗ Trần Thùy Linh                 |                                          |                              | Em                               | CMND                                            |             |            |                                    |                                                 | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 8.9  |       | Nguyễn Văn Sơn                    |                                          |                              | Em rể                            | CMND                                            |             |            |                                    |                                                 |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 8.10 |       | Đỗ Trần Thủy Diễm                 |                                          |                              | Em                               | CMND                                            |             |            |                                    |                                                 | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 8.11 |       | Nguyễn Hương Giang                |                                          |                              | Em rể                            | CMND                                            |             |            |                                    |                                                 | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 9    | HAG   | Lê Hồng Phong                     |                                          | Thành viên BKS               |                                  | Passport                                        |             |            |                                    |                                                 | -                          | -                             | 26/06/2020                                                        |                                                                     |                                                           |               |
| 9.1  |       | Lê Hồng Thụy                      |                                          |                              | Cha                              |                                                 |             |            |                                    |                                                 | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           | đã mất        |
| 9.2  |       | Đỗ Thị Tuyết Nhung                |                                          |                              | Mẹ                               |                                                 |             |            |                                    |                                                 | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           | đã mất        |
| 9.3  |       | Bùi Duy Tâm                       |                                          |                              | Cha vợ                           | CMND                                            |             |            |                                    |                                                 | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 9.4  |       | Hoàng Thị Na                      |                                          |                              | Mẹ vợ                            | CCCD                                            |             |            |                                    |                                                 | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 9.5  |       | Bùi Thị Ngọc Anh                  |                                          |                              | Vợ                               | CMND                                            |             |            |                                    |                                                 | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 9.6  |       | Lê Hồng Ngọc                      |                                          |                              | Con                              |                                                 |             |            |                                    |                                                 | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           | Còn nhỏ       |
| 9.7  |       | Lê Phúc Bình                      |                                          |                              | Con                              |                                                 |             |            |                                    |                                                 | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           | Còn nhỏ       |
| 9.8  |       | Lê Hồng Anh                       |                                          |                              | Anh                              | CMND                                            |             |            |                                    |                                                 | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 10   | HAG   | Phạm Ngọc Châu                    |                                          | Thành viên BKS               |                                  | CCCD                                            |             |            |                                    |                                                 | -                          | -                             | 26/06/2020                                                        |                                                                     |                                                           |               |
| 10.1 |       | Phạm Văn Nét                      |                                          |                              | Cha                              | CMND                                            |             |            |                                    |                                                 | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 10.2 |       | Nguyễn Thị Cánh                   |                                          |                              | Mẹ                               | CMND                                            |             |            |                                    |                                                 | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |
| 10.3 |       | Nguyễn Duy Phương                 |                                          |                              | Cha vợ                           | CMND                                            |             |            |                                    |                                                 | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |               |

| Stt   | Mã CK | Họ và tên           | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có)                         | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CMND/Passport/Giấy GCNĐKDN) | Số Giấy NSH | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 12 và 13) | Ghi chú |
|-------|-------|---------------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------|-------------|----------|---------|---------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------|
| 10.4  |       | Nguyễn Thị Nữ       |                                          |                                                      | Mẹ vợ                            | CMND                                            |             |          |         |                                       | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |         |
| 10.5  |       | Nguyễn Thị Thu Lan  |                                          |                                                      | Vợ                               | CMND                                            |             |          |         |                                       | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |         |
| 10.6  |       | Phạm Nhật Duy       |                                          |                                                      | Con                              |                                                 |             |          |         |                                       | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           | Còn nhỏ |
| 10.7  |       | Phạm Phúc Duy       |                                          |                                                      | Con                              |                                                 |             |          |         |                                       |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           | Còn nhỏ |
| 10.8  |       | Phạm Văn Hùng       |                                          |                                                      | Anh                              | CMND                                            |             |          |         |                                       |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |         |
| 10.9  |       | Bùi Thị Băng Trinh  |                                          |                                                      | Chị dâu                          | CCCD                                            |             |          |         |                                       |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |         |
| 10.10 |       | Phạm Thị Như Hoa    |                                          |                                                      | Chị                              | CMND                                            |             |          |         |                                       |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |         |
| 10.11 |       | Biện Văn Tuấn       |                                          |                                                      | Anh rể                           | CMND                                            |             |          |         |                                       |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |         |
| 10.12 |       | Phạm Phương Thảo    |                                          |                                                      | Em                               | CMND                                            |             |          |         |                                       |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |         |
| 10.13 |       | Đặng Thị Phi Yên    |                                          |                                                      | Em dâu                           | CCCD                                            |             |          |         |                                       |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |         |
| 10.14 |       | Phạm Phương Nam     |                                          |                                                      | Em                               | CMND                                            |             |          |         |                                       |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |         |
| 10.15 |       | Nguyễn Thị Duyên    |                                          |                                                      | Em dâu                           | CCCD                                            |             |          |         |                                       | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |         |
| 11    | HAG   | Lê Trương Y Trâm    |                                          | Kế toán trưởng                                       |                                  | CMND                                            |             |          |         |                                       | -                          | -                             | 15/07/2018                                                        |                                                                     |                                                           |         |
| 11.1  |       | Lê Văn Chương       |                                          |                                                      | Cha                              | CMND                                            |             |          |         |                                       |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |         |
| 11.2  |       | Trương Thị Nga      |                                          |                                                      | Mẹ                               | CMND                                            |             |          |         |                                       |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |         |
| 11.3  |       | Nguyễn Văn Chánh    |                                          |                                                      | Cha chồng                        | CMND                                            |             |          |         |                                       |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |         |
| 11.4  |       | Nguyễn Thị Hiếu     |                                          |                                                      | Mẹ chồng                         | CMND                                            |             |          |         |                                       |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |         |
| 11.5  |       | Nguyễn Văn Trung    |                                          |                                                      | Chồng                            | CMND                                            |             |          |         |                                       |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |         |
| 11.6  |       | Nguyễn Lê Cẩm Hà    |                                          |                                                      | Con                              |                                                 |             |          |         |                                       |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |         |
| 11.7  |       | Lê Trương Xuân Vy   |                                          |                                                      | Em                               | CMND                                            |             |          |         |                                       |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           | Còn nhỏ |
| 11.8  |       | Trần Anh Đức        |                                          |                                                      | Em rể                            | CMND                                            |             |          |         |                                       | -                          | -                             |                                                                   |                                                                     |                                                           |         |
| 12    | HAG   | Đoàn Thị Mai Phương |                                          | Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách quản trị Công ty |                                  | CCCD                                            |             |          |         |                                       | 2.000                      | 0,00%                         | 17/06/2021                                                        |                                                                     |                                                           |         |
| 12.1  |       | Đoàn Văn Toàn       |                                          |                                                      | Cha                              | CCCD                                            |             |          |         |                                       |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |         |
| 12.2  |       | Trần Thị Thanh Mai  |                                          |                                                      | Mẹ                               | CCCD                                            |             |          |         |                                       |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |         |
| 12.3  |       | Nguyễn Thành Kham   |                                          |                                                      | Cha chồng                        | CMND                                            |             |          |         |                                       |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |         |
| 12.4  |       | Nguyễn Thị Hạnh     |                                          |                                                      | Mẹ chồng                         | CMND                                            |             |          |         |                                       |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |         |
| 12.5  |       | Nguyễn Thành Long   |                                          |                                                      | Chồng                            | CMND                                            |             |          |         |                                       |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |         |
| 12.6  |       | Nguyễn Bao Ngọc     |                                          |                                                      | Con                              |                                                 |             |          |         |                                       |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           | Còn nhỏ |
| 12.7  |       | Đoàn Quang Phú      |                                          |                                                      | Em                               | CCCD                                            |             |          |         |                                       |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |         |
| 13    | HAG   | Hồ Thị Mỹ Loan      |                                          | Thư ký Công ty                                       |                                  | CCCD                                            |             |          |         |                                       |                            |                               | 21/01/2022                                                        |                                                                     |                                                           |         |
| 13.1  |       | Hồ Vĩnh Thành       |                                          |                                                      | Cha                              |                                                 |             |          |         |                                       |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           | Đã mất  |
| 13.2  |       | Trần thị Hồng       |                                          |                                                      | Mẹ                               | CMND                                            |             |          |         |                                       |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |         |
| 13.3  |       | Chu thể Sư          |                                          |                                                      | Bố chồng                         | CCCD                                            |             |          |         |                                       |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           |         |

| Stt      | Mã CK      | Họ và tên                                                                            | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu có) | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có) | Mối quan<br>hệ đối với<br>người nội<br>bộ | Loại hình Giấy<br>NSH<br>(CMND/Passport/<br>Giấy GCNĐKDN | Số Giấy NSH            | Ngày cấp   | Nơi cấp                                                      | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                                      | Số cơ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có liên<br>quan của<br>công ty/<br>người nội bộ | Thời điểm không<br>còn là người có<br>liên quan của công<br>ty/ người nội bộ | Lý do (khí<br>phát sinh thay<br>đổi liên quan<br>đến mục 12 và<br>13 | Ghi chú |
|----------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------|------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------|
| 13.4     |            | Lê Thị Hạnh                                                                          |                                             |                                    | Mẹ chồng                                  | CCCD                                                     |                        |            |                                                              |                                                                            |                               |                                     |                                                                                  |                                                                              |                                                                      |         |
| 13.5     |            | Chu Thế Hiến                                                                         |                                             |                                    | Chồng                                     | CMND                                                     |                        |            |                                                              |                                                                            |                               |                                     |                                                                                  |                                                                              |                                                                      |         |
| 13.6     |            | Chu Ngọc Diễm Quỳnh                                                                  |                                             |                                    | Con                                       |                                                          |                        |            |                                                              |                                                                            |                               |                                     |                                                                                  |                                                                              |                                                                      | còn nhỏ |
| 13.7     |            | Chu Minh Tuấn                                                                        |                                             |                                    | Con                                       |                                                          |                        |            |                                                              |                                                                            |                               |                                     |                                                                                  |                                                                              |                                                                      | còn nhỏ |
| 13.8     |            | Hồ Thị Thảo Trang                                                                    |                                             |                                    | Chị                                       | CCCD                                                     |                        |            |                                                              |                                                                            |                               |                                     |                                                                                  |                                                                              |                                                                      |         |
| 13.9     |            | Hồ Thị Thảo Ly                                                                       |                                             |                                    | Chị                                       |                                                          |                        |            |                                                              |                                                                            |                               |                                     |                                                                                  |                                                                              |                                                                      | Bị bệnh |
| 13.10    |            | Hồ Thị Thảo Châu                                                                     |                                             |                                    | Chị                                       | CCCD                                                     |                        |            |                                                              |                                                                            |                               |                                     |                                                                                  |                                                                              |                                                                      |         |
| 13.11    |            | Hồ Dũng Phong                                                                        |                                             |                                    | Em                                        | CMND                                                     |                        |            |                                                              |                                                                            |                               |                                     |                                                                                  |                                                                              |                                                                      |         |
| 13.12    |            | Hồ Hoàng Vĩnh                                                                        |                                             |                                    | Anh                                       | CMND                                                     |                        |            |                                                              |                                                                            |                               |                                     |                                                                                  |                                                                              |                                                                      |         |
| 13.13    |            | Trần Thị Huệ Oanh                                                                    |                                             |                                    | Chị Dâu                                   | CMND                                                     |                        |            |                                                              |                                                                            |                               |                                     |                                                                                  |                                                                              |                                                                      |         |
| <b>B</b> | <b>HAG</b> | <b>Tổ chức có liên quan tới Công ty</b>                                              |                                             |                                    |                                           |                                                          |                        |            |                                                              |                                                                            |                               |                                     |                                                                                  |                                                                              |                                                                      |         |
| <b>1</b> |            | <b>Công ty con</b>                                                                   |                                             |                                    |                                           |                                                          |                        |            |                                                              |                                                                            |                               |                                     |                                                                                  |                                                                              |                                                                      |         |
| 1.1      |            | Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai                                                  |                                             |                                    |                                           | GCNĐKDN                                                  | 5901046432             | 12/10/2016 | Sơ Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai                           | 15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai                  |                               |                                     | 31/01/2018                                                                       |                                                                              |                                                                      |         |
| 1.2      |            | Cty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng                                            |                                             |                                    |                                           | GCNĐKDN                                                  | 16A-00010186 451 5 A/7 | 19/07/2017 | Ủy Ban Khuyến Khích Và Quan Lý Đầu Tư, Tỉnh Chấm Pa Sak, Lào | Ban Nong Y Ồi, Huyện Paksong, Tỉnh Chấm Pa Sak, Lào                        |                               |                                     | 31/01/2018                                                                       |                                                                              |                                                                      |         |
| 1.3      |            | Cty TNHH Phát triển Nông nghiệp Khan Xay                                             |                                             |                                    |                                           | GCNĐKDN                                                  | 17-00000806            | 17/03/2020 | Sơ công thương tỉnh Attapeu, Lào                             | Ban HadSun, huyện XaySet Tha ,Tỉnh Attapeu, Lào                            |                               |                                     | 31/03/2020                                                                       |                                                                              |                                                                      |         |
| 1.4      |            | Công ty CP Thể thao Hoàng Anh Gia Lai                                                |                                             |                                    |                                           | GCNĐKDN                                                  | 5900493773             | 30/12/2008 | Sơ Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai                           | 15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai                  |                               |                                     | 12/01/2009                                                                       |                                                                              |                                                                      |         |
| 1.5      |            | Công ty CP Bệnh viện Đại học Y Dược Hoàng Anh Gia Lai                                |                                             |                                    |                                           | GCNĐKDN                                                  | 5900461059             | 07/05/2008 | Sơ Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai                           | 238 Lê Duẩn, P Trà Bả, Pleiku, Gia Lai                                     |                               |                                     | 07/05/2008                                                                       |                                                                              |                                                                      |         |
| 1.6      |            | Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane                                             |                                             |                                    |                                           | GCNĐKDN                                                  | 0206/PDK               | 25/04/2013 | Cục đăng ký và quản lý Doanh nghiệp, Bộ công thương, Lào     | Ban Vất Chán, Quận Chán Tha Bu Ly, Thủ đô Viên Chán, Lào                   |                               |                                     | 06/05/2010                                                                       |                                                                              |                                                                      |         |
| 1.7      |            | Công ty cổ phần Chăn nuôi Gia Lai                                                    |                                             |                                    |                                           | GCNĐKDN                                                  | 5900988952             | 03/06/2014 | Sơ Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai                           | 15 Trường Chinh, P Phù Đồng, TP Pleiku, Gia Lai                            |                               |                                     | 10/09/2020                                                                       |                                                                              |                                                                      |         |
| 1.8      |            | Công ty cổ phần Gia súc Lơ Pang                                                      |                                             |                                    |                                           | GCNĐKDN                                                  | 5901147416             | 19/06/2020 | Sơ Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai                           | 15 Trường Chinh, P Phù Đồng, TP Pleiku, Gia Lai                            |                               |                                     | 31/03/2022                                                                       |                                                                              |                                                                      |         |
| 1.9      |            | Công ty cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai                                               |                                             |                                    |                                           | GCNĐKDN                                                  | 5901190436             | 26/05/2022 | Sơ Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai                           | 15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam |                               |                                     | 25/05/2022                                                                       |                                                                              |                                                                      |         |
| <b>2</b> | <b>HAG</b> | <b>Công ty liên kết</b>                                                              |                                             |                                    |                                           |                                                          |                        |            |                                                              |                                                                            |                               |                                     |                                                                                  |                                                                              |                                                                      |         |
| 2.1      |            | Công ty CP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") và nhóm Công ty con của HNG |                                             |                                    |                                           | GCNĐKDN                                                  | 5900712753             | 26/05/2010 | Sơ KH và ĐT tỉnh Gia Lai                                     | 15 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai                  |                               |                                     |                                                                                  |                                                                              |                                                                      |         |